

Số: 1389/2025/QĐST-HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 02 tháng 6 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 1001/2025/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Kim T – Sinh năm: 1975

Thường trú: Số A Đ, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số E đường E (H), khu phố C, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Nguyễn Trung N – Sinh năm: 1976

Thường trú: Số A Đ, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số E đường E (H), khu phố C, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 68, Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 5 năm 2025;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 5 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Kim T – Sinh năm: 1975

Thường trú: Số A Đ, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số E đường E (H), khu phố C, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Nguyễn Trung N – Sinh năm: 1976

Thường trú: Số A Đ, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số E đường E (H), khu phố C, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Trung N thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Trung N cùng xác định có 03 con chung tên Nguyễn Thanh H (giới tính nữ, sinh năm 1995, đã trưởng thành), Nguyễn Trúc T1 (giới tính nữ, sinh năm 2005, đã trưởng thành) và Nguyễn Thanh D (giới tính nữ, sinh năm 2002, đã trưởng thành).

2.3 Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Trung N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Trung N xác định không có.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) do bà Nguyễn Thị Kim T tự nguyện nộp, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị Kim T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0072871 ngày 23/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; bà Nguyễn Thị Kim T được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

4. Giấy chứng nhận kết hôn số 21TH, quyển số 1/1997 ngày 06/01/1997 tại Ủy ban nhân dân Quận H1, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị kể từ ngày quyết định này có hiệu lực.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- UBND Q.8, TP.HCM;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lưu Hải Quỳnh Anh

